TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 27

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số bé nhất trong các số 612, 621, 712, 613 là:

A. 712 **B.** 613 **C.** 621 **D.** 612

Câu 2. Phép chia 115 : 9 có số dư là:

A. 8 **B.** 2 **C.** 12 **D.** 7

Câu 3. Số lớn là 18, số bé là 9. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 27 lần **B.** 9 lần **C.** 2 lần **D.** 3 lần

Câu 4. Một phần tư (1/4) của 32 cái kẹo là:

A. 10 cái kẹo **B.** 128 cái kẹo **C.** 28 cái kẹo **D.** 8 cái kẹo

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 1 dm 3 cm = …… cm

A. 103 **B.** 13 **C.** 4 **D.** 31

Câu 6. O là trung điểm của đoạn thẳng PQ. Biết PQ = 30 m, độ dài đoạn PO là:

A. 60 m **B.** 28 m **C.** 30 m **D.** 15 m

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) …… × 3 = 15

b) …… : 5 = 32

c) …… + 255 = 490

d) 36 : …… = 4

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 6 m = 60 cm	
b) 4 × 7 = 28	
c) 1/7 của 63 là 56	
d) 29 + 3 × 4 = 41	

Bài 3. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 7 × 4 …… 30

b) 1 m …… 100 cm

c) 6 m 8 cm …… 598 cm

d) 1/2 của 10 …… 1/5 của 25

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/8 của 48 ngày là …… ngày

b) 1/6 của 48 quả là …… quả

c) 1/7 của 63 m là …… m

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 6 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 16 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 38 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Bài 6. Một sợi dây dài 14 m được cắt thành 2 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu mét?

a) Trả lời: Mỗi đoạn dài …… m

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 27

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	D	C	D	B	D

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 15 : 3 = 5

b) 32 × 5 = 160

c) 490 − 255 = 235

d) 36 : 4 = 9

Bài 2.

a) S; b) Đ; c) S; d) Đ

Bài 3.

a) 7 × 4 = 28 nên điền dấu «<»

b) 1 m = 100 cm nên điền dấu «=»

c) 6 m 8 cm = 608 cm nên điền dấu «>»

d) 1/2 của 10 là 5; 1/5 của 25 là 5 nên điền dấu «=»

Bài 4.

a) 48 : 8 = 6 (ngày)

b) 48 : 6 = 8 (quả)

c) 63 : 7 = 9 (m)

Bài 5.

a) 6 × 2 = 12 (cm)

b) 16 : 2 = 8 (dm)

c) 38 : 2 = 19 (mm)

Bài 6.

14 : 2 = 7 (m)